ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM CƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 771.1/QĐ-UBND	*Nam Cường, ngày 15 tháng 08 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Cường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM CƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 15/08/2025 của UBND xã Nam Cường về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Cường;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo thực hiện Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Cường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã Nam Cường thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 *(có Phụ lục danh mục chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Giao Văn phòng HĐND - UBND xã chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã:

- Cập nhật, niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính này tại Bộ phận Một cửa và trên cổng thông tin điện tử của địa phương theo đúng quy định.
- Tổ chức triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến các quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa trong hệ thống tài liệu ISO của cơ quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Văn phòng HĐND và UBND xã, Ban chỉ đạo ISO xã, Trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND xã Nam Cường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Đảng uỷ, TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu:VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Thanh Lịch

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA ISO 9001:2015 TẠI UBND XÃ NAM CƯỜNG

(Ban hành theo Quyết định số 771.1/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã Nam Cường)

Bộ Công an - 3 TTHC

001. [1.012538] Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ (Lĩnh vực: Chính sách)

002. [1.012537] Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ (Lĩnh vực: Chính sách)

003. [3.000527] Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện (Lĩnh vực: Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện)

Bộ Công Thương - 5 TTHC

004. [2.000206] Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã (Lĩnh vực: An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện)

005. [2.002620] Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên (Lĩnh vực: Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng)

006. [1.115377] Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp (Lĩnh vực: Điện lực)

007. [1.012569] Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ (Lĩnh vực: Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý)

008. [1.012568] Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý (Lĩnh vực: Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý)

Bộ Dân tộc và Tôn giáo - 11 TTHC

009. [1.012222] Công nhận người có uy tín (Lĩnh vực: Công tác dân tộc)

010. [1.012223] Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín (Lĩnh vực: Công tác dân tộc)

011. [1.013797] Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã (Lĩnh vực: Tín ngưỡng, tôn giáo)

012. [1.013798] Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã (Lĩnh vực: Tín ngưỡng, tôn giáo)

013. [1.013796] Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã (Lĩnh vực: Tín ngưỡng, tôn giáo)

014. [1.012590] Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã) (lĩnh vực: tín ngưỡng, tôn giáo)

015. [1.012584] Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã) (lĩnh vực: tín ngưỡng, tôn giáo)

016. [1.012591] Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã) (lĩnh vực: tín ngưỡng, tôn giáo)

017. [1.012585] Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã) (lĩnh vực: tín ngưỡng, tôn giáo)
018. [1.012582] Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã) (lĩnh vực: tín ngưỡng, tôn giáo)
019. [1.012592] Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã) (lĩnh vực: tín ngưỡng, tôn giáo)

Bộ Giáo dục và Đào tạo - 37 TTHC

Bộ Nội vụ - 74 TTHC

057. [2.002303] Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý (Lĩnh vực: Bảo hiểm xã hội)
058. [1.014111] Thi tuyển công chức (Lĩnh vực: Công chức, viên chức)
059. [1.014113] Xét tuyển công chức (Lĩnh vực: Công chức, viên chức)
060. [1.014352] Thủ tục tuyển chọn chuyên gia (Lĩnh vực: Lao động)
061. [1.014319] THỦ TỤC TUYỂN CHỌN KIẾN TRÚC SƯ TRƯỞNG CẤP BỘ, CẤP TỈNH, DỰ ÁN (Lĩnh vực: Lao động)
062. [1.014318] THỦ TỤC TUYỂN CHỌN TỔNG CÔNG TRÌNH SƯ DỰ ÁN (Lĩnh vực: Lao động)
063. [2.001955] Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (Lĩnh vực: Lao động, tiền lương)
064. [1.010774] Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước (Lĩnh vực: Người có công)
065. [2.002308] Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp (Lĩnh vực: Người có công)
066. [2.002307] Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh (Lĩnh vực: Người có công)
067. [2.001157] Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến (Lĩnh vực: Người có công)
068. [2.001396] Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến (Lĩnh vực: Người có công)
069. [1.014359] Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế (Lĩnh vực: Người có công)
070. [1.013749] Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng (Lĩnh vực: Người có công)
071. [1.013745] Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân (Lĩnh vực: Người có công)
072. [1.013750] Thăm viếng mộ liệt sĩ. (Lĩnh vực: Người có công)
073. [1.013744] Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý (Lĩnh vực: Người có công)

074. [1.013743] Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội) (Lĩnh vực: Người có công)

075. [1.010833] Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công (Lĩnh vực: Người có công)

076. [1.010829] Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (Lĩnh vực: Người có công)

077. [1.010830] Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (Lĩnh vực: Người có công)

078. [1.010824] Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần (Lĩnh vực: Người có công)

079. [1.010825] Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ. (Lĩnh vực: Người có công)

080. [1.010821] Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Lĩnh vực: Người có công)

081. [1.010819] Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế (Lĩnh vực: Người có công)

082. [1.010820] Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng. (Lĩnh vực: Người có công)

083. [1.010817] Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (Lĩnh vực: Người có công)

084. [1.010818] Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày (Lĩnh vực: Người có công)

085. [1.010815] Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng. (Lĩnh vực: Người có công)

086. [1.010816] Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (Lĩnh vực: Người có công)

087. [1.010810] Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an (Lĩnh vực: Người có công)

088. [1.010811] Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý (Lĩnh vực: Người có công)

089. [1.010814] Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ (Lĩnh vực: Người có công)

090. [1.010812] Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý (Lĩnh vực: Người có công)

091. [1.010804] Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" (Lĩnh vực: Người có công)

092. [1.010805] Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an (Lĩnh vực: Người có công)

093. [1.010802] Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác (Lĩnh vực: Người có công)

094. [1.010803] Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. (Lĩnh vực: Người có công)

095. [1.010801] Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ (Lĩnh vực: Người có công)

096. [1.010783] Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý (Lĩnh vực: Người có công)

097. [1.010781] Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh (Lĩnh vực: Người có công)

098. [1.010777] Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công" (Lĩnh vực: Người có công)

099. [1.010788] Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng (Lĩnh vực: Người có công)

100. [1.010778] Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công" (Lĩnh vực: Người có công)

101. [1.010775] Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006 (Lĩnh vực: Người có công)

102. [1.010772] Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" (Lĩnh vực: Người có công)

103. [1.004964] Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a (Lĩnh vực: Người có công)

104. [1.001257] Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Lĩnh vực: Người có công)

105. [2.002820] Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Lĩnh vực: Quản lý lao động ngoài nước)

106. [1.013734] Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết . (Lĩnh vực: Quản lý lao động ngoài nước)

107. [1.014947] Thủ tục quỹ tự giải thể (cấp xã) (lĩnh vực: quản lý nhà nước về hội, quỹ)

108. [1.014946] Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ (Cấp xã) (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)

109. [1.014943] Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận hội đồng quản lý quỹ; công nhận hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ (Cấp xã) (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)

110. [1.014944] Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (Cấp xã) (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)

111. [1.014945] Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động (Cấp xã) (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)

112. [1.014942] Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp xã) (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)

113. [1.013710] Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)
114. [1.013703] Thành lập hội (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)
115. [1.013706] Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)
116. [1.013708] Hội tự giải thể (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)
117. [1.013704] Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)
118. [1.013707] Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)
119. [1.013702] Công nhận ban vận động thành lập hội (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)
120. [1.013709] Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ)
121. [1.014680] Thủ tục tặng, truy tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" (Lĩnh vực: Thi đua - khen thưởng)
122. [1.014150] Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" (Lĩnh vực: Thi đua - khen thưởng)
123. [1.014149] Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" (Lĩnh vực: Thi đua - khen thưởng)
124. [2.002821] Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên (Lĩnh vực: Việc làm)
125. [1.014201] Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Lĩnh vực: Việc làm)
126. [1.014198] Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Lĩnh vực: Việc làm)
127. [1.014200] Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Lĩnh vực: Việc làm)
128. [1.014199] Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Lĩnh vực: Việc làm)
129. [1.014197] Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Lĩnh vực: Việc làm)
130. [1.014196] Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Lĩnh vực: Việc làm)

Bộ Nông nghiệp và Môi trường - 74 TTHC

131. [3.000443] Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Lĩnh vực: Biển và hải đảo)
132. [3.000442] Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Lĩnh vực: Biển và hải đảo)
133. [3.000441] Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Lĩnh vực: Biển và hải đảo)
134. [3.000439] Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Lĩnh vực: Biển và hải đảo)

135. [1.012836] Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) (Lĩnh vực: Chăn nuôi)

136. [1.012837] Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (Lĩnh vực: Chăn nuôi)

137. [1.014284] Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển. (Lĩnh vực: Đất đai)

138. [1.014275] Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư. (Lĩnh vực: Đất đai)

139. [1.013949] Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất (Lĩnh vực: Đất đai)

140. [1.013978] Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (Lĩnh vực: Đất đai)

141. [1.013950] Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất. (Lĩnh vực: Đất đai)

142. [1.013953] Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa (Lĩnh vực: Đất đai)

143. [1.013962] Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở (Lĩnh vực: Đất đai)

144. [1.013979] Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận (Lĩnh vực: Đất đai)

145. [1.013952] Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư. (Lĩnh vực: Đất đai)

146. [1.013967] Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Lĩnh vực: Đất đai)
147. [1.013965] Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích. (Lĩnh vực: Đất đai)
148. [1.012817] Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 (Lĩnh vực: Đất đai)
149. [1.012818] Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (Lĩnh vực: Đất đai)
150. [1.012812] Hòa giải tranh chấp đất đai (Lĩnh vực: Đất đai)
151. [1.012796] Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót (Lĩnh vực: Đất đai)
152. [1.012766] Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng (Lĩnh vực: Đất đai)
153. [1.012753] Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất (Lĩnh vực: Đất đai)
154. [1.014259] Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã) (Lĩnh vực: Địa chất và khoáng sản)
155. [1.014258] Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã) (Lĩnh vực: Địa chất và khoáng sản)
156. [1.116215] Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 (Lĩnh vực: Giảm nghèo)
157. [1.116214] Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 (Lĩnh vực: Giảm nghèo)
158. [3.000412] Công nhận người lao động có thu nhập thấp (Lĩnh vực: Giảm nghèo)
159. [1.011607] Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm (Lĩnh vực: Giảm nghèo)
160. [1.011608] Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm (Lĩnh vực: Giảm nghèo)
161. [1.011609] Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (Lĩnh vực: Giảm nghèo)
162. [1.011606] Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm (Lĩnh vực: Giảm nghèo)
163. [1.012694] Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân (Lĩnh vực: Kiểm lâm)
164. [3.000611] Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (Lĩnh vực: Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn)
165. [1.003434] Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã) (Lĩnh vực: Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn)
166. [3.000502] Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (Lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm)
167. [3.000250] Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành

nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (Lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm)

168. [1.014832] Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm)

169. [1.012922] Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại (Lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm)

170. [1.012531] Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (Lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm)

171. [1.011471] Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (Lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm)

172. [1.007919] Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư (Lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm)

173. [1.010736] Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736) (Lĩnh vực: Môi trường)

174. [2.001827] Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Lĩnh vực: Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản)

175. [1.010092] Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội (Lĩnh vực: Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai)

176. [1.010091] Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (Lĩnh vực: Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai)

177. [1.011518] Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước . (Lĩnh vực: Tài nguyên nước)

178. [1.001662] Đăng ký khai thác nước dưới đất (Lĩnh vực: Tài nguyên nước)

179. [1.013997] Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân) (Lĩnh vực: Thú y)

180. [2.001627] Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt (Lĩnh vực: Thủy lợi)

181. [2.001621] Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) (Lĩnh vực: Thủy lợi)

182. [1.014862] Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

183. [1.014864] Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy

nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

184. [1.014863] Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

185. [1.014860] Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

186. [1.014859] Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

187. [1.014851] Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

188. [1.014853] Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

189. [1.014850] Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

190. [1.014852] Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

191. [1.014849] Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

192. [1.014848] Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

193. [1.003471] Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

194. [1.003446] Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

195. [1.003440] Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

196. [1.003347] Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (Lĩnh vực: Thủy lợi)

197. [1.014801] Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy

sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) (Lĩnh vực: Thủy sản)

198. [1.004680] Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng (Lĩnh vực: Thủy sản)

199. [1.004656] Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên (Lĩnh vực: Thủy sản)

200. [1.004498] Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (Lĩnh vực: Thủy sản)

201. [1.004478] Công bố mở cảng cá loại III (Lĩnh vực: Thủy sản)

202. [1.003956] Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (Lĩnh vực: Thủy sản)

203. [1.008004] Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa (Lĩnh vực: Trồng trọt)

204. [1.014776] Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (Lĩnh vực: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Bộ Quốc phòng - 1 TTHC

205. [1.013128] Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m3) (Lĩnh vực: Ứng phó sự cố tràn dầu BQP)

Bộ Tài chính - 39 TTHC

206. [1.005412] Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp (Lĩnh vực: Bảo hiểm)

207. [2.002668] Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Lĩnh vực: Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

208. [1.014737] Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng (Lĩnh vực: Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia)

209. [1.014736] Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (Lĩnh vực: Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia)

210. [3.000410] Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế (Lĩnh vực: Quản lý công sản)

211. [1.013040] Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (Lĩnh vực: Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước)

212. [1.115148] Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ (Lĩnh vực: Tài chính đất đai)

213. [1.012994] Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Lĩnh vực: Tài chính đất đai)

214. [1.012996] Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ (Lĩnh vực: Tài chính đất đai)

215. [1.012995] Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư (Lĩnh vực: Tài chính đất đai)

216. [2.002226] Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác không đăng ký (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký)

217. [2.002228] Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký)

218. [2.002648] Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

219. [2.002641] Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

220. [2.002649] Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

221. [2.002642] Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

222. [2.002638] Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

223. [2.002635] Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

224. [2.002643] Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

225. [2.002639] Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

226. [2.002636] Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo. (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

227. [2.002637] Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023 (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

228. [2.002123] Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

229. [2.001958] Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

230. [1.014371] Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

231. [1.005378] Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

232. [1.005280] Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

233. [1.004901] Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

234. [1.004979] Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

235. [1.005010] Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

236. [1.004982] Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

237. [1.005277] Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

238. [2.000575] Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh))

239. [2.000720] Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh))

240. [1.014035] Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh))

241. [1.014034] Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh))

242. [1.001612] Đăng ký thành lập hộ kinh doanh (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh))

243. [1.001570] Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh))

244. [1.001266] Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh))

Bộ Tư pháp - 65 TTHC

245. [2.002165] Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã) (Lĩnh vực: Bồi thường nhà nước)

246. [2.001406] Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (Lĩnh vực: Chứng thực)

247. [2.001035] Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (Lĩnh vực: Chứng thực)

248. [2.001019] Chứng thực di chúc (Lĩnh vực: Chứng thực)

249. [2.001016] Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản (Lĩnh vực: Chứng thực)

250. [2.000942] Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực (Lĩnh vực: Chứng thực)

251. [2.001008] Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng (Lĩnh vực: Chứng thực)

252. [2.000992] Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng (Lĩnh vực: Chứng thực)

253. [2.000908] Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc (Lĩnh vực: Chứng thực)

254. [2.000913] Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch (Lĩnh vực: Chứng thực)

255. [2.000927] Sửa lỗi sai sót trong giao dịch (Lĩnh vực: Chứng thực)

256. [2.000884] Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) (Lĩnh vực: Chứng thực)

257. [2.000815] Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (Lĩnh vực: Chứng thực)

258. [1.011441] Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Lĩnh vực: Đăng ký biện pháp bảo đảm)

259. [2.002080] Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên (Lĩnh vực: Hòa giải ở cơ sở)

260. [2.000950] Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã) (Lĩnh vực: Hòa giải ở cơ sở)

261. [2.000930] Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã) (Lĩnh vực: Hòa giải ở cơ sở)

262. [2.000424] Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (Lĩnh vực: Hòa giải ở cơ sở)

263. [1.002211] Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã) (Lĩnh vực: Hòa giải ở cơ sở)

264. [3.000323] Đăng ký giám sát việc giám hộ (Lĩnh vực: Hộ tịch)

265. [3.000322] Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (Lĩnh vực: Hộ tịch)

266. [2.002516] Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch (Lĩnh vực: Hộ tịch)

267. [2.002189] Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)

268. [2.000806] Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)

269. [2.000756] Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)
270. [2.000748] Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)
271. [2.000779] Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)
272. [2.000635] Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh (Lĩnh vực: Hộ tịch)
273. [2.000522] Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)
274. [2.000554] Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)
275. [2.000513] Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)
276. [2.000528] Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)
277. [2.000547] Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (Lĩnh vực: Hộ tịch)
278. [2.000497] Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)
279. [1.005461] Đăng ký lại khai tử (Lĩnh vực: Hộ tịch)
280. [1.004873] Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Lĩnh vực: Hộ tịch)
281. [1.004884] Thủ tục đăng ký lại khai sinh (Lĩnh vực: Hộ tịch)
282. [1.004845] Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ (Lĩnh vực: Hộ tịch)
283. [1.004859] Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (Lĩnh vực: Hộ tịch)
284. [1.004837] Thủ tục đăng ký giám hộ (Lĩnh vực: Hộ tịch)
285. [1.004772] Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (Lĩnh vực: Hộ tịch)
286. [1.004746] Thủ tục đăng ký lại kết hôn (Lĩnh vực: Hộ tịch)
287. [1.004827] Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (Lĩnh vực: Hộ tịch)
288. [1.003583] Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động (Lĩnh vực: Hộ tịch)
289. [1.001766] Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)
290. [1.001695] Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)
291. [1.001669] Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (Lĩnh vực: Hộ tịch)
292. [1.001193] Thủ tục đăng ký khai sinh (Lĩnh vực: Hộ tịch)
293. [1.000893] Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (Lĩnh vực: Hộ tịch)
294. [1.000689] Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con (Lĩnh vực: Hộ tịch)
295. [1.000894] Thủ tục đăng ký kết hôn (Lĩnh vực: Hộ tịch)
296. [1.000656] Thủ tục đăng ký khai tử (Lĩnh vực: Hộ tịch)
297. [1.001022] Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con (Lĩnh vực: Hộ tịch)
298. [1.000593] Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động (Lĩnh vực: Hộ tịch)

299. [1.000080] Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (Lĩnh vực: Hộ tịch)
300. [1.000419] Thủ tục đăng ký khai tử lưu động (Lĩnh vực: Hộ tịch)
301. [1.000110] Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (Lĩnh vực: Hộ tịch)
302. [1.000094] Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (Lĩnh vực: Hộ tịch)
303. [2.002363] Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Lĩnh vực: Nuôi con nuôi)
304. [2.002349] Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (Lĩnh vực: Nuôi con nuôi)
305. [2.001263] Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước (Lĩnh vực: Nuôi con nuôi)
306. [2.001255] Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước (Lĩnh vực: Nuôi con nuôi)
307. [1.003005] Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (Lĩnh vực: Nuôi con nuôi)
308. [2.002913] Liên thông điện tử: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất (Lĩnh vực: Thủ tục hành chính liên thông)
309. [3.000722] Liên thông điện tử: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế, cấp thẻ căn cước cho trẻ em dưới 6 tuổi (Lĩnh vực: Thủ tục hành chính liên thông)

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - 13 TTHC

310. [1.014310] Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú (Lĩnh vực: Di sản văn hóa)
311. [1.014312] Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú (Lĩnh vực: Di sản văn hóa)
312. [1.012085] Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị (Lĩnh vực: Gia đình)
313. [1.012084] Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân (Lĩnh vực: Gia đình)
314. [1.013792] Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (Lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
315. [1.013794] Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (Lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
316. [1.013793] Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (Lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
317. [2.000794] Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở (Lĩnh vực: Thể dục thể thao)
318. [1.013791] Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã (Lĩnh vực: Văn hóa)
319. [1.003622] Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã (Lĩnh vực: Văn hóa)
320. [3.000576] Thủ tục khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Lĩnh vực: Xuất Bản, In và Phát hành)

321. [3.000570] Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã) (Lĩnh vực: Xuất Bản, In và Phát hành)

322. [3.000569] Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã) (Lĩnh vực: Xuất Bản, In và Phát hành)

Bộ Xây dựng - 25 TTHC

323. [2.001921] Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ (Lĩnh vực: Đường bộ)

324. [1.013274] Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác (Lĩnh vực: Đường bộ)

325. [1.000314] Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác (Lĩnh vực: Đường bộ)

326. [1.115950] Công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)

327. [1.115949] Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)

328. [1.009465] Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)

329. [1.009452] Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)

330. [1.009453] Cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)

331. [1.116338] Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng)

332. [1.013239] Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng)

333. [1.013229] Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ: (Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng)

334. [1.013226] Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng)

335. [1.013227] Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai

đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng)

336. [1.013232] Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng)

337. [1.013228] Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng)

338. [1.013225] Cấp giấy phép xây dựng mới, có thời hạn đối với công trình cấp III, cấp IV và công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. (Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng)

339. [1.014632] Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở (Lĩnh vực: Nhà ở và công sở)

340. [1.012897] Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở (Lĩnh vực: Nhà ở và công sở)

341. [1.012898] Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê (Lĩnh vực: Nhà ở và công sở)

342. [1.012892] Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở (Lĩnh vực: Nhà ở và công sở)

343. [1.012893] Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công (Lĩnh vực: Nhà ở và công sở)

344. [1.009791] Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ) (Lĩnh vực: Quản lý chất lượng công trình xây dựng)

345. [1.014155] Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (Lĩnh vực: Quy hoạch đô thị và nông thôn)

346. [1.014157] Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (Lĩnh vực: Quy hoạch đô thị và nông thôn)

347. [1.014159] Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn (Lĩnh vực: Quy hoạch đô thị và nông thôn)

Bộ Xây dựng (GTVT cũ) - 22 TTHC

348. [1.013061] Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác (Lĩnh vực: Đường bộ)

349. [1.002693] Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh (Lĩnh vực: Hạ tầng kỹ thuật)

350. [2.001659] Xóa đăng ký phương tiện (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)

351. [2.001711] Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)

352. [2.001214] Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
353. [2.001215] Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
354. [2.001211] Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
355. [2.001218] Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
356. [2.001212] Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
357. [2.001217] Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
358. [1.006391] Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
359. [1.005040] Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
360. [1.004088] Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
361. [1.004036] Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
362. [1.004047] Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
363. [1.004002] Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
364. [1.003970] Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
365. [1.003930] Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
366. [1.002372] Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải (Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy nội địa)
367. [1.012888] Công nhận Ban quản trị nhà chung cư (Lĩnh vực: Nhà ở và công sở)
368. [1.014156] Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (Lĩnh vực: Quy hoạch đô thị và nông thôn)
369. [1.014158] Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (Lĩnh vực: Quy hoạch đô thị và nông thôn)

Bộ Y tế - 19 TTHC

370. [1.013855] Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (Lĩnh vực: An toàn thực phẩm)

371. [2.000477] Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội (Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội)

372. [2.000282] Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội (Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội)

373. [2.000286] Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội (Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội)

374. [1.014028] Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội)

375. [1.014027] Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội)

376. [1.001776] Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng (Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội)

377. [1.001731] Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội)

378. [1.001699] Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật (Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội)

379. [1.001653] Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật (Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội)

380. [2.001661] Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân (Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội)

381. [1.012422] Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú" (Lĩnh vực: Thi đua, khen thưởng)

382. [1.115116] Đề nghị sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại (Lĩnh vực: Trẻ em)

383. [2.001947] Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (Lĩnh vực: Trẻ em)

384. [2.001942] Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế (Lĩnh vực: Trẻ em)

385. [2.001944] Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em (Lĩnh vực: Trẻ em)

386. [1.004946] Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em (Lĩnh vực: Trẻ em)

387. [1.004941] Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em (Lĩnh vực: Trẻ em)

388. [1.004944] Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em (Lĩnh vực: Trẻ em)